

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 13/2019/HNGĐ-ST

Ngày 29/7/2019

V/v “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Giang Phước Thành.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Chung Thị Ngọc.

2. Bà Lâm Lệ Oanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Như Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thanh Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 153/2018/TLST-HNGĐ ngày 05/10/2018 về việc “Xin ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Ch, năm sinh 1990. (có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã Gi, huyện Ch, tỉnh Kiên Giang.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn Nh, sinh năm 1990. (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ B, khu phố B, phường Đ, thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01 tháng 10 năm 2018 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ch trình bày: Bà và ông Nguyễn Văn Nh kết hôn vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố H, tỉnh Kiên Giang vào ngày 03/7/2014. Trong cuộc sống vợ chồng lúc đầu hạnh phúc, sau này vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, do ông Nh không lo cho cuộc sống vợ con, ông Nh thường hay cờ bạc, đá gà, không lo làm ăn, bà có nhiều lần khuyên nhủ nhưng không được, ông bà không còn chung sống cùng nhau hơn 4 năm nay. Hiện nay không thể hàn gắn để đoàn tụ về chung sống với nhau và nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Nh.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn He K, giới tính nam, sinh ngày 11/04/2014, hiện nay con đang sống cùng bà Ch. Khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi dưỡng con đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn Nh có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại biên bản ghi lời khai đương sự ngày 23/5/2019 ông Nguyễn Văn Nh trình bày: Ông và bà Ch kết hôn vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố H, tỉnh Kiên Giang vào ngày 03/7/2014. Quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn nhưng do bà Ch giận ông mà bỏ nhà đi nên vợ chồng không còn chung sống với nhau khoảng hơn 02 năm nay. Nay bà Ch xin ly hôn, ông đồng ý ly hôn với bà Ch.

Về con chung: Quá trình chung sống có 01 con chung tên Nguyễn He K, giới tính nam, sinh ngày 11/04/2014, hiện nay con đang sống cùng bà Ch. Khi ly hôn ông đồng ý giao con cho bà Ch nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, không cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án của thẩm phán, hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa thực hiện theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H: Về quan hệ hôn nhân: áp dụng Điều 19, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị chấp nhận cho bà Ch ly hôn với ông Nh. Về con chung: Áp dụng khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị giao con chung cho bà Ch tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, ghi nhận việc không yêu cầu cấp dưỡng của bà Ch. Về phần tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu xem xét. Hội đồng xét xử ghi nhận tất cả ý kiến của kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và căn cứ Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đây là vụ án có quan hệ pháp luật tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc xin ly hôn. Trong vụ án này bị đơn ông Nguyễn Văn Nh đang cư trú tại khu phố B, phường Đ, thành phố H, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1

Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông Nguyễn Văn Nh có đơn xin vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung: Bà Nguyễn Thị Ch và ông Nguyễn Văn Nh kết hôn năm 2014, hôn nhân do ông bà tự nguyện và được Ủy ban nhân dân phường Đ, thị xã H (nay là thành phố H), tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 03/7/2014. Như vậy hôn nhân của ông bà là hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Bà Ch, ông Nh đều xác nhận quan hệ hôn nhân của ông bà đã rạn nứt, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, hiện nay không còn yêu thương, quan tâm chăm sóc lẫn nhau, không muốn quay về đoàn tụ. Xét thấy hôn nhân của bà Ch, ông Nh đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, quá trình thụ lý giải quyết bà Ch vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện là xin ly hôn với ông Nh; Tại biên bản ghi lời khai ngày 23/5/2019 ông Nh cũng thống nhất ly hôn nhưng khi triệu tập hòa giải và xét xử tại phiên tòa Nh đều vắng mặt và có đơn xin vắng mặt nên áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, nghị cần chấp nhận cho bà Ch được ly hôn với ông Nh.

[4] Về con chung: Ông bà có 01 con chung tên Nguyễn He K, giới tính nam, sinh ngày 11/04/2014, hiện nay con đang sống cùng bà Ch. Khi ly hôn bà Ch có nguyện vọng được nuôi dưỡng con đến tuổi trưởng thành, ông Nh cũng thống nhất ý kiến của bà Ch, ông đồng ý giao con cho bà Ch nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Xét thấy hiện nay cháu K đang sống cùng bà Ch và từ nhỏ con cũng do bà Ch chăm sóc nên việc bà Ch tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu K là tạo điều kiện cho cháu K phát triển về mọi mặt. Áp dụng khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, nghị cần giao con chung cho bà Ch nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Ghi nhận ý kiến bà Ch không yêu cầu ông Nh cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản và nợ chung: Bà Ch, ông Nh trình bày không có tài sản chung, không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Bà Ch khởi kiện nên phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 28, 35, 39, 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Ch với ông Nguyễn Văn Nh.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn He K, giới tính nam, sinh ngày 11/04/2014 cho bà Nguyễn Thị Ch tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Ghi nhận ý kiến bà Ch không yêu cầu ông Nh phải cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

Bà Nguyễn Thị Ch cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở ông Nguyễn Văn Nh trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật

- Tài sản chung và nợ chung: Bà Ch, ông Nh trình bày không có tài sản chung, không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ch phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ tiền tạm ứng án phí mà bà Ch đã nộp số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai tạm ứng án phí số 0001234 ngày 05 tháng 10 năm 2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã H (nay là Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố H), nay bà Ch không phải nộp thêm.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh KG;
- VKSND tỉnh Kiên Giang
- VKSND thành phố H;
- Chi cục THADS thành phố H;
- UBND phường Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Giang Phước Thành